VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ[1]
Quy định tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước

Thông tư số 23/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 97/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước;

---

[1] Văn bản này hợp nhất từ 02 văn bản sau:

- Thông tư số 23/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2020.
- Thông tư số 97/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.
- Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 văn bản trên.

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước[2].

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc tạm ứng ngân quỹ nhà nước của ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh; vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách trung ương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Bộ Tài chính.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

3. Kho bạc Nhà nước.

4. Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh).

5. Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Sở Tài chính).

6. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước.

---

[2] Thông tư số 97/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 97/2021/TT-BTC) có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước.".

Điều 3. Mục đích tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước

1. Đối với ngân sách trung ương:

a) Tạm ứng ngân quỹ nhà nước để xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách trung ương.

b) Vay ngân quỹ nhà nước để bù đắp bội chi của ngân sách trung ương cho đầu tư phát triển trong phạm vi mức bội chi của ngân sách trung ương được Quốc hội quyết định hằng năm.

c) Vay ngân quỹ nhà nước để trả nợ gốc các khoản vay của ngân sách trung ương trong phạm vi mức chi trả nợ gốc của ngân sách trung ương được Quốc hội quyết định hằng năm.

2. Đối với ngân sách cấp tỉnh: tạm ứng ngân quỹ nhà nước để xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách cấp tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc tạm ứng, vay từ ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước

1. Việc tạm ứng, cho ngân sách nhà nước vay từ ngân quỹ nhà nước chỉ được thực hiện trong khả năng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi; đảm bảo không ảnh hưởng đến khả năng thanh toán, chi trả của Kho bạc Nhà nước và tuân thủ hạn mức tạm ứng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi cho ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư số 314/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước và được thực hiện theo thứ tự ưu tiên:

a) Cho ngân sách trung ương tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước.

b) Cho ngân sách cấp tỉnh tạm ứng ngân quỹ nhà nước.

2. Mọi khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước để xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách trung ương, quỹ ngân sách cấp tỉnh phải được hoàn trả đầy đủ, chậm nhất ngày 31 tháng 12 của năm phát sinh khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước; đồng thời, không được gia hạn.

3. Việc tạm ứng, cho ngân sách trung ương vay từ ngân quỹ nhà nước được thực hiện tại Kho bạc Nhà nước; việc tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách cấp tỉnh được thực hiện tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
TẠM ỨNG NGÂN QUỸ NHÀ NƯỚC

Điều 5. Điều kiện được tạm ứng ngân quỹ nhà nước

1. Trường hợp quỹ ngân sách trung ương, quỹ ngân sách cấp tỉnh thiếu hụt tạm thời thì được tạm ứng ngân quỹ nhà nước.

2. Ngân sách cấp tỉnh được tạm ứng ngân quỹ nhà nước phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không có dư nợ tạm ứng ngân quỹ nhà nước quá hạn tại thời điểm đề nghị tạm ứng.

b) Có văn bản phê duyệt của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại kỳ họp gần nhất) về việc tạm ứng ngân quỹ nhà nước để xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách cấp tỉnh.

c) Mức đề nghị tạm ứng không vượt quá mức tạm ứng ngân quỹ nhà nước tối đa quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

Điều 6. Mức tạm ứng ngân quỹ nhà nước

1. Mức tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương để xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách trung ương do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định trong phạm vi khả năng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi trong quý.

2. Mức tạm ứng ngân quỹ nhà nước để xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách cấp tỉnh tối đa không vượt quá số còn lại của dự toán chi ngân sách địa phương đã được Bộ Tài chính giao cho từng địa phương tại thời điểm đề nghị tạm ứng ngân quỹ nhà nước; đồng thời, không tính vào mức dư nợ vay của ngân sách địa phương quy định tại khoản 6 Điều 7 Luật ngân sách nhà nước.

Điều 7. Quy trình, thủ tục tạm ứng ngân quỹ nhà nước đối với ngân sách trung ương

1. Khi phát sinh nhu cầu tạm ứng ngân quỹ nhà nước, Vụ Ngân sách nhà nước - Bộ Tài chính (sau đây gọi tắt là Vụ Ngân sách nhà nước) có văn bản đề

nghị tạm ứng ngân quỹ nhà nước gửi Kho bạc Nhà nước; trong đó, nêu rõ mức đề nghị tạm ứng và thời hạn hoàn trả tạm ứng.

2. Căn cứ văn bản của Vụ Ngân sách nhà nước và khả năng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi, Kho bạc Nhà nước báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương, bao gồm: mức tạm ứng, thời hạn hoàn trả tạm ứng ngân quỹ nhà nước.

3. Căn cứ Quyết định tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Vụ Ngân sách nhà nước lập 02 bản Giấy rút vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước theo Mẫu 03/TƯ ban hành kèm theo Thông tư này gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương.

Điều 8. Quy trình, thủ tục tạm ứng ngân quỹ nhà nước đối với ngân sách cấp tỉnh

1. Khi phát sinh nhu cầu tạm ứng ngân quỹ nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị tạm ứng ngân quỹ nhà nước gửi Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước), bao gồm:

a) Văn bản đề nghị tạm ứng ngân quỹ nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong đó nêu rõ: mức đề nghị tạm ứng ngân quỹ nhà nước; thời hạn hoàn trả tạm ứng; nguồn vốn để hoàn trả tạm ứng; tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách địa phương đến thời điểm đề nghị tạm ứng ngân quỹ nhà nước (bao gồm: số dự toán chi ngân sách địa phương được Bộ trưởng Bộ Tài chính giao, số dự toán đã thực hiện, số dự toán còn lại); cam kết hoàn trả khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước đầy đủ, đúng hạn.

b) Văn bản phê duyệt của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về việc tạm ứng ngân quỹ nhà nước.

2. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị tạm ứng ngân quỹ nhà nước hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, căn cứ khả năng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi, Kho bạc Nhà nước chủ trì, phối hợp với Vụ Ngân sách nhà nước báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách cấp tỉnh.

3. Trường hợp chấp thuận tạm ứng ngân quỹ nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quyết định tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách cấp tỉnh; trong đó, quy định mức tạm ứng và thời hạn hoàn trả tạm ứng ngân quỹ nhà nước.

Trường hợp không chấp thuận tạm ứng ngân quỹ nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài chính có văn bản trả lời Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Rút vốn tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh

a) Căn cứ Quyết định tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách cấp tỉnh và nhu cầu sử dụng vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước, Sở Tài chính lập 02 bản Giấy rút vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước (theo Mẫu 03/ĐP ban hành kèm theo Thông tư này) gửi Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh.

b) Việc rút vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước được thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Số đề nghị rút vốn và lũy kế số đã rút vốn (nếu có) phải nằm trong mức tạm ứng ngân quỹ nhà nước được Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

- Thời hạn rút vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

c) Trường hợp đề nghị rút vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước của Sở Tài chính không đảm bảo quy định tại điểm a, điểm b khoản này, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh có văn bản trả lời Sở Tài chính; đồng thời, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Kho bạc Nhà nước.

Điều 9. Thời hạn hoàn trả tạm ứng, thời hạn rút vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước

1. Thời hạn hoàn trả tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách nhà nước do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định, đảm bảo chậm nhất ngày 31 tháng 12 của năm phát sinh khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước.

2. Thời hạn rút vốn đối với các khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước chậm nhất ngày 20 tháng 12 của năm phát sinh khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước. Sau thời hạn trên, khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước hết hạn rút vốn và bị hủy bỏ.

Điều 10. Hoàn trả khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước và xử lý các khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước quá hạn hoàn trả

1. Đối với ngân sách trung ương

a) Chậm nhất trước 10 ngày làm việc kể từ ngày đến hạn hoàn trả khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước, Kho bạc Nhà nước có văn bản gửi Vụ Ngân sách nhà nước thông báo về việc đến hạn hoàn trả tạm ứng ngân quỹ nhà nước; trong văn bản nêu rõ thời hạn hoàn trả, số tiền phải hoàn trả, chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước còn phải trả.

b) Căn cứ Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương, Vụ Ngân sách nhà nước bố trí nguồn ngân sách trung ương để hoàn trả tạm ứng ngân quỹ nhà nước đầy đủ, đúng hạn.

c) Khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước không được hoàn trả đầy đủ, đúng thời hạn thì được coi là quá hạn và phải chịu chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này.

2. Đối với ngân sách cấp tỉnh

a) Chậm nhất trước 10 ngày làm việc kể từ ngày đến hạn hoàn trả, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh có văn bản gửi Sở Tài chính; đồng thời, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đến hạn hoàn trả tạm ứng ngân quỹ nhà nước; trong văn bản nêu rõ thời hạn hoàn trả, số tiền phải hoàn trả, chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước còn phải trả; trường hợp đến hạn hoàn trả mà khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách cấp tỉnh không được hoàn trả đầy đủ, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh thực hiện biện pháp thu hồi tạm ứng theo quy định tại điểm c khoản này.

b) Căn cứ Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách cấp tỉnh, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí nguồn ngân sách để hoàn trả tạm ứng đầy đủ, đúng hạn.

c) Trường hợp đến hạn hoàn trả mà khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách cấp tỉnh không được hoàn trả đầy đủ thì được coi là quá hạn và phải chịu chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này. Thủ tục xử lý khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách cấp tỉnh quá hạn hoàn trả được thực hiện như sau:

- Chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày đến hạn hoàn trả mà khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước chưa được hoàn trả đầy đủ, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh thực hiện trích tồn quỹ ngân sách cấp tỉnh để thu hồi khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước, thu khoản chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước (bao gồm cả trong hạn và quá hạn). Trường hợp sau khi thực hiện trích mà vẫn chưa thu hồi đủ theo quy định, thì

ngay sau khi có tồn quỹ ngân sách cấp tỉnh, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh thực hiện trích tiếp để thu hồi đầy đủ khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước, thu khoản chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước (bao gồm cả trong hạn và quá hạn).

- Sau khi thực hiện trích tồn quỹ ngân sách cấp tỉnh, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh thông báo cho Sở Tài chính, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đồng thời, báo cáo Kho bạc Nhà nước để báo cáo Bộ Tài chính về việc trích tồn quỹ ngân sách cấp tỉnh để thu hồi khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước quá hạn hoàn trả, thu khoản chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước (bao gồm cả trong hạn và quá hạn).

Mục 2
VAY NGÂN QUỸ NHÀ NƯỚC CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

Điều 11. Mức vay ngân quỹ nhà nước

Mức vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách trung ương phải nằm trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước hằng năm về vay bù đắp bội chi hoặc vay để trả nợ gốc của ngân sách trung ương được Quốc hội quyết định.

Điều 12. Quy trình, thủ tục vay ngân quỹ nhà nước

1. Khi phát sinh nhu cầu vay ngân quỹ nhà nước, Vụ Ngân sách nhà nước có văn bản đề nghị vay ngân quỹ nhà nước gửi Kho bạc Nhà nước; trong đó, nêu rõ mức vay, mục đích vay, thời hạn vay và thời hạn hoàn trả khoản vay ngân quỹ nhà nước.

2. Căn cứ văn bản của Vụ Ngân sách nhà nước và khả năng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi, Kho bạc Nhà nước báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt cho ngân sách trung ương vay ngân quỹ nhà nước, bao gồm: mức vay, mục đích vay, thời hạn vay và thời hạn hoàn trả khoản vay ngân quỹ nhà nước.

3. Căn cứ văn bản phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước và Vụ Ngân sách nhà nước ký Hợp đồng cho vay ngân quỹ nhà nước (theo Mẫu 01 ban hành kèm theo Thông tư này).

4. Căn cứ Hợp đồng cho vay ngân quỹ nhà nước, Vụ Ngân sách nhà nước lập 02 bản Giấy rút vốn vay ngân quỹ nhà nước (theo Mẫu 04 ban hành kèm theo Thông tư này) gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện.

Điều 13. Thời hạn vay, thời hạn rút vốn vay ngân quỹ nhà nước

1. Thời hạn vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách trung ương do Bộ Tài chính quyết định, tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng cho vay ngân quỹ nhà nước có hiệu lực.

2. Thời hạn rút vốn đối với các khoản vay ngân quỹ nhà nước chậm nhất ngày 31 tháng 12 của năm phát sinh khoản vay ngân quỹ nhà nước. Sau thời hạn trên, khoản vay ngân quỹ nhà nước hết hạn rút vốn và bị hủy bỏ.

Điều 14. Hoàn trả khoản vay ngân quỹ nhà nước và xử lý các khoản vay ngân quỹ nhà nước quá hạn hoàn trả

1. Chậm nhất trước 30 ngày làm việc kể từ ngày đến hạn hoàn trả khoản vay ngân quỹ nhà nước, Kho bạc Nhà nước có văn bản gửi Vụ Ngân sách nhà nước thông báo về việc đến hạn hoàn trả khoản vay ngân quỹ nhà nước; trong văn bản nêu rõ thời hạn hoàn trả, số tiền phải hoàn trả, chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước còn phải trả.

2. Căn cứ Hợp đồng cho vay ngân quỹ nhà nước, Vụ Ngân sách nhà nước bố trí nguồn ngân sách trung ương để hoàn trả khoản vay ngân quỹ nhà nước đầy đủ, đúng hạn.

3. Khoản vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách trung ương không được hoàn trả đầy đủ, đúng thời hạn và không được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt gia hạn thì được coi là quá hạn và phải chịu chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này.

Điều 15. Gia hạn khoản vay ngân quỹ nhà nước

1. Trường hợp ngân sách trung ương có khó khăn chưa bố trí được nguồn để hoàn trả khoản vay ngân quỹ nhà nước, thì khoản vay ngân quỹ nhà nước được xem xét gia hạn.

2. Thời hạn gia hạn tối đa không quá 12 tháng, kể từ ngày đến hạn hoàn trả khoản vay được quy định tại Hợp đồng cho vay ngân quỹ nhà nước.

3. Thủ tục gia hạn khoản vay ngân quỹ nhà nước:

a) Chậm nhất trước 20 ngày làm việc kể từ ngày đến hạn hoàn trả khoản vay ngân quỹ nhà nước, Vụ Ngân sách nhà nước có văn bản đề nghị gia hạn khoản vay ngân quỹ nhà nước gửi Kho bạc Nhà nước.

b) Căn cứ văn bản của Vụ Ngân sách nhà nước và khả năng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi, Kho bạc Nhà nước báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt gia hạn khoản vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách trung ương.

c) Căn cứ văn bản phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước phối hợp với Vụ Ngân sách nhà nước ký Phụ lục Hợp đồng cho vay ngân quỹ nhà nước (theo Mẫu 02 ban hành kèm theo Thông tư này).

Mục 3
CHI PHÍ SỬ DỤNG NGÂN QUỸ NHÀ NƯỚC VÀ CHI PHÍ SỬ DỤNG NGÂN QUỸ NHÀ NƯỚC QUÁ HẠN

Điều 16. Chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước và chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn

1[3]. Chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước

Ngân sách trung ương khi tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước và ngân sách cấp tỉnh khi tạm ứng ngân quỹ nhà nước có trách nhiệm thanh toán khoản chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước cho Kho bạc Nhà nước định kỳ hàng tháng (chậm nhất vào ngày 10 của tháng liền kề sau tháng phải thanh toán) với mức chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước bằng mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ. Riêng khoản chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước của tháng đến hạn hoàn trả khoản tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước được thanh toán cho Kho bạc Nhà nước cùng thời điểm khi hoàn trả khoản tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước. Chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước hàng tháng được xác định như sau:

$$\text{Chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước} = \frac{\sum(\text{Số dư nợ tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước thực tế} \times \text{Số ngày duy trì số dư nợ thực tế} \times \text{Mức chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước})}{365}$$

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 97/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Trong đó:

a) Số dư nợ tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước thực tế được xác định tại thời điểm cuối mỗi ngày trong thời hạn tính chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước.

Thời hạn tính chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước theo tháng, được tính từ ngày rút vốn đối với kỳ tính khoản chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước đầu tiên hoặc ngày đầu tiên của tháng đối với các kỳ tính khoản chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước tiếp theo đến hết ngày cuối cùng của tháng tính khoản chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước hoặc ngày liền kề trước ngày hoàn trả khoản tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước đối với kỳ tính khoản chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước cuối cùng.

b) Số ngày duy trì số dư nợ thực tế (bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật) là số ngày mà số dư nợ tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước thực tế cuối mỗi ngày không thay đổi trong thời hạn tính chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quy định tại điểm a khoản này.

c) Mức chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước bằng mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ. Trường hợp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành quyết định điều chỉnh mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, thì áp dụng theo mức lãi suất mới kể từ thời điểm mức lãi suất đó có hiệu lực thi hành.

2[4]. Chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn

Trường hợp khoản tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách trung ương, khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước của ngân sách cấp tỉnh quá thời hạn hoàn trả, ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh có trách nhiệm thanh toán khoản chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn theo mức bằng 150% mức chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này được áp dụng tại ngày liền kề trước thời hạn tính chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn. Chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn được thanh toán một lần cho Kho bạc Nhà nước khi thu hồi khoản tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước quá hạn và được xác định như sau:

---

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 97/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

$$\text{Chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn} = \frac{\sum \text{(Số dư nợ tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước quá hạn thực tế x Số ngày duy trì số dư nợ quá hạn thực tế x 150\% x Mức chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước)}}{365}$$

Trong đó:

a) Số dư nợ tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước quá hạn thực tế được xác định tại thời điểm cuối mỗi ngày trong thời hạn tính chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn.

Thời hạn tính chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn được tính từ ngày đến hạn hoàn trả mà khoản tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước không được hoàn trả đến hết ngày liền kề trước ngày thực trả khoản tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước quá hạn.

b) Số ngày duy trì số dư nợ quá hạn thực tế (bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật) là số ngày mà số dư nợ tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước quá hạn thực tế cuối mỗi ngày không thay đổi trong thời hạn tính chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn quy định tại điểm a khoản này.

c) Mức chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước là mức lãi suất theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này được áp dụng tại ngày liền kề trước thời hạn tính chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn.

3. Trường hợp khoản vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách trung ương đã quá hạn, nhưng được Bộ Tài chính gia hạn thì không được coi là khoản vay ngân quỹ nhà nước quá hạn và được áp dụng mức chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quy định tại khoản 1 Điều này cho đến hết thời gian được gia hạn.

Mục 4
HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 17. Hạch toán kế toán

1. Các khoản tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước; hoàn trả khoản tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước; gia hạn khoản vay ngân quỹ nhà nước được hạch toán theo chế độ kế toán ngân sách nhà nước.

2. Thu từ các khoản chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước và các khoản chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn được hạch toán, tổng hợp vào thu, chi nghiệp vụ của Kho bạc Nhà nước theo cơ chế tài chính của Kho bạc Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 18. Chế độ báo cáo

1. Đối với Kho bạc Nhà nước: định kỳ 06 tháng (chậm nhất ngày 22 tháng 6 và ngày 22 tháng 12), Kho bạc Nhà nước báo cáo Bộ Tài chính để báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình tạm ứng, cho vay ngân quỹ nhà nước.

2. Đối với Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh: định kỳ 06 tháng (chậm nhất ngày 18 tháng 6 và ngày 18 tháng 12), Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh báo cáo Kho bạc Nhà nước tình hình tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách cấp tỉnh theo Mẫu 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN[5]

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính

---

[5] - Điều 2, 3 của Thông tư số 97/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 quy định như sau:

"Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

1. Dư nợ tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước tính đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được áp dụng mức chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước, chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn (nếu có) theo quy định tại Thông tư này kể từ ngày Thông tư có hiệu lực thi hành.

2. Các khoản tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, nhưng thực hiện rút vốn sau ngày Thông tư có hiệu lực thi hành được áp dụng mức chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước, chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn (nếu có) theo quy định tại Thông tư này.".

Điều 3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2. Kho bạc Nhà nước và các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.".

a) Quyết định việc tạm ứng, cho vay, gia hạn khoản vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách trung ương.

b) Quyết định việc tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách cấp tỉnh.

2. Vụ Ngân sách nhà nước

a) Lập hồ sơ đề nghị tạm ứng, vay, gia hạn khoản vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách trung ương.

b) Ký Hợp đồng vay ngân quỹ nhà nước với Kho bạc Nhà nước sau khi Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt khoản vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách trung ương.

c) Bố trí nguồn ngân sách trung ương để hoàn trả khoản tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước đầy đủ, đúng hạn.

d) Phối hợp với Kho bạc Nhà nước báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách cấp tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Lập hồ sơ đề nghị tạm ứng ngân quỹ nhà nước; chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin trong hồ sơ đề nghị tạm ứng ngân quỹ nhà nước.

b) Chỉ đạo Sở Tài chính hoàn trả khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước, thanh toán chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước, chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn (nếu có) theo quy định.

4. Sở Tài chính

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc tạm ứng, hoàn trả khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước và khoản chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước của ngân sách cấp tỉnh theo quy định.

b) Thực hiện rút vốn tạm ứng, hoàn trả khoản tạm ứng, thanh toán chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước, chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn (nếu có) theo đúng quy định tại Thông tư này.

5. Kho bạc Nhà nước

a) Chủ trì báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định tạm ứng, cho vay, gia hạn khoản vay ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương.

b) Chủ trì, phối hợp với Vụ Ngân sách nhà nước báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách cấp tỉnh.

c) Ký Hợp đồng cho vay ngân quỹ nhà nước với Vụ Ngân sách nhà nước sau khi Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt khoản vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách trung ương.

d) Tính chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước, chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn (nếu có) của ngân sách trung ương và thông báo cho Vụ Ngân sách nhà nước để thực hiện thanh toán theo quy định.

đ[6]) Thông báo cho Vụ Ngân sách nhà nước, Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh về mức và thời điểm điều chỉnh mức chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

6. Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh

a) Thực hiện cho ngân sách cấp tỉnh rút vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư này.

b) Tính chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước của ngân sách cấp tỉnh và thông báo cho Sở Tài chính chậm nhất ngày 05 của tháng liền kề sau của tháng ngân sách cấp tỉnh phải thanh toán khoản chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước.

c) Thực hiện các thủ tục xử lý các khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước quá hạn hoàn trả theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các khoản vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách trung ương được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thực hiện theo các Hợp đồng cho vay đã ký kết; trường hợp được đề nghị gia hạn sau ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành áp dụng theo các quy định tại Điều 15 và Điều 16 Thông tư này.

2. Các khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước của ngân sách cấp tỉnh được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng thực hiện rút vốn sau ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục áp dụng các quy định về rút vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước tại Thông tư số 30/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách

[6] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 97/2021/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

nhà nước; trong đó, các khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước có thời hạn tạm ứng kéo dài qua năm ngân sách được duy trì đến hết thời hạn tạm ứng theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính và không được gia hạn. Trường hợp đến hạn hoàn trả mà khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước không được hoàn trả đầy đủ, thì thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

3. Các khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách cấp tỉnh để thực hiện các dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương đã quá hạn hoàn trả do ngân sách trung ương chưa bố trí được vốn để hoàn trả tạm ứng ngân quỹ nhà nước không được tính là các khoản tạm ứng ngân quỹ nhà nước quá hạn khi xem xét điều kiện ngân sách cấp tỉnh được tạm ứng ngân quỹ nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2020.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 30/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách nhà nước; Thông tư số 06/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2017/TT-BTC và Thông tư số 12/2019/TT-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét và có hướng dẫn cụ thể./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 15/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2021

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Thành Hưng

Mẫu 01 - Hợp đồng cho vay ngân quỹ nhà nước

(Kèm theo Thông tư số 23/2020/TT-BTC ngày 13/4/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHO VAY NGÂN QUỸ NHÀ NƯỚC
(Số.....- HĐ/20.../KBNN-NSNN)

- Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

- Căn cứ Luật quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

- Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

- Căn cứ Quyết định số 26/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

- Căn cứ Thông tư số...../2020/TT-BTC ngày..... tháng..... năm 2020 của Bộ Tài chính quy định tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước;

- Căn cứ văn bản số..... ngày...../...../..... của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt cho ngân sách trung ương vay từ ngân quỹ nhà nước.

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại Kho bạc Nhà nước - 32 Cát Linh - Hà Nội, chúng tôi gồm có:

1. Kho bạc Nhà nước (sau đây gọi tắt là KBNN)

- Đại diện:.....

- Chức vụ:.....

- Địa chỉ: Số 32 Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội

- Số điện thoại:.....

- Số Tài khoản:.....

2. Vụ Ngân sách Nhà nước - Bộ Tài chính (sau đây gọi tắt là Vụ NSNN)

- Đại diện:.....

- Chức vụ:.....

- Địa chỉ: 28 Trần Hưng Đạo - Hà Nội

- Số điện thoại:.....

- Số Tài khoản:.....

Sau khi thoả thuận, hai bên thống nhất ký Hợp đồng cho vay ngân quỹ nhà nước để..... với các điều khoản sau:

Điều 1. KBNN đồng ý cho Vụ NSNN vay từ ngân quỹ nhà nước với số tiền ..... đồng (bằng chữ:.....).

Điều 2. Thời hạn vay và thời hạn rút vốn vay ngân quỹ nhà nước

1. Thời hạn vay ngân quỹ nhà nước là....., tính kể từ ngày ký kết Hợp đồng này.

2. Thời hạn rút vốn vay ngân quỹ nhà nước chậm nhất ngày..... Sau thời gian trên, khoản vay ngân quỹ nhà nước hết hạn và bị hủy bỏ.

Điều 3. Thời hạn, phương thức hoàn trả khoản vay ngân quỹ nhà nước

Khoản vay ngân quỹ nhà nước phải được hoàn trả đầy đủ chậm nhất ngày.... tháng.... năm.... cho KBNN vào tài khoản số..... tại Sở Giao dịch KBNN.

Điều 4. Gia hạn khoản vay ngân quỹ nhà nước

Việc gia hạn khoản vay ngân quỹ nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư số...../2020/TT-BTC ngày.../..../2020 của Bộ Tài chính quy định tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước.

Điều 5. Chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước, chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn

1. Chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước, chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn (nếu có) đối với khoản vay ngân quỹ nhà nước được áp dụng theo quy định tại Điều 16 Thông tư số..../2020/TT-BTC ngày..../..../2020 của Bộ Tài chính quy định tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước.

2. Vụ NSNN chuyển trả chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước, chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn (nếu có) cho KBNN vào tài khoản số..... tại Sở Giao dịch KBNN.

Điều 6. Trách nhiệm của các bên

1. KBNN

a) Thực hiện giải ngân vốn vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách trung ương theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và văn bản phê duyệt cho ngân sách trung ương vay từ ngân quỹ nhà nước của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Hàng tháng, thông báo chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước, chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn (nếu có) cho Vụ NSNN.

c) Hạch toán kế toán các khoản cho vay ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật.

2. Vụ NSNN

a) Thực hiện các thủ tục rút vốn vay ngân quỹ nhà nước theo quy định.

b) Quản lý, sử dụng khoản vay ngân quỹ nhà nước đúng mục đích được phê duyệt tại văn bản số..... ngày...../...../..... của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt cho ngân sách trung ương vay từ ngân quỹ nhà nước.

c) Hoàn trả khoản vay ngân quỹ nhà nước, chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước, chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn (nếu có) đầy đủ và đúng hạn theo các điều khoản đã thỏa thuận tại Hợp đồng này.

d) Chủ trì, phối hợp với KBNN báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phương án xử lý khoản vay ngân quỹ nhà nước quá hạn hoàn trả (nếu có).

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Hai bên có trách nhiệm cùng phối hợp thực hiện đúng những điều khoản đã thỏa thuận tại Hợp đồng này và theo quy định tại Thông tư số..../2020/TT-BTC ngày...../...../2020 của Bộ Tài chính quy định tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước và các văn bản khác có liên quan.

2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày..... và được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau; mỗi bên giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN KBNN	**ĐẠI DIỆN VỤ NSNN**

Mẫu 02 - Phụ lục Hợp đồng cho vay ngân quỹ nhà nước
(Kèm theo Thông tư số 23/2020/TT-BTC ngày 13/4/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG CHO VAY NGÂN QUỸ NHÀ NƯỚC
(Số.....-PL/20.../KBNN-NSNN)

- Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

- Căn cứ Luật quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

- Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

- Căn cứ Quyết định số 26/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

- Căn cứ Thông tư số...../2020/TT-BTC ngày..... tháng..... năm 2020 của Bộ Tài chính quy định tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Hợp đồng số.....- HĐ/20.../KBNN-NSNN ngày...../...../..... giữa Kho bạc Nhà nước và Vụ Ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính);

- Căn cứ văn bản số..... ngày...../...../..... của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt gia hạn khoản vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách trung ương.

Hôm nay, ngày.... tháng..... năm....., tại Kho bạc Nhà nước - 32 Cát Linh - Hà Nội, chúng tôi gồm có:

1. Kho bạc Nhà nước (sau đây gọi tắt là KBNN)

- Đại diện:.....

- Chức vụ:.....

- Địa chỉ: Số 32 Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội

- Số điện thoại:.....

- Số Tài khoản:.....

2. Vụ Ngân sách Nhà nước - Bộ Tài chính (sau đây gọi tắt là Vụ NSNN)

- Đại diện:.....

- Chức vụ:.....

- Địa chỉ: 28 Trần Hưng Đạo - Hà Nội

- Số điện thoại:.....

- Số Tài khoản:.....

Sau khi thoả thuận, hai bên thống nhất ký Phụ lục Hợp đồng của Hợp đồng cho vay ngân quỹ nhà nước số.....- HĐ/20.../KBNN-NSNN ngày...../...../..... *(sau đây gọi tắt là Hợp đồng số.....- HĐ/20.../KBNN-NSNN)* với các điều khoản sau:

Điều 1. KBNN đồng ý gia hạn khoản vay ngân quỹ nhà nước với số tiền..... đồng (bằng chữ:.....) của Vụ NSNN.

Điều 2. Thời hạn gia hạn vay ngân quỹ nhà nước

Thời hạn gia hạn khoản vay ngân quỹ nhà nước là....., tính kể từ ngày đến hạn hoàn trả theo quy định tại Điều 3 Hợp đồng số.....- HĐ/20.../KBNN-NSNN.

Điều 3. Thời hạn, phương thức hoàn trả khoản vay ngân quỹ nhà nước được gia hạn

Khoản vay ngân quỹ nhà nước được gia hạn phải được hoàn trả đầy đủ chậm nhất ngày..... tháng..... năm..... cho KBNN vào tài khoản số..... tại Sở Giao dịch KBNN.

Điều 4. Chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước, chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn

Chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước, chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn (nếu có) áp dụng theo quy định tại Hợp đồng số.....- HĐ/20.../KBNN-NSNN.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Phụ lục hợp đồng này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng số..... - HĐ/20.../KBNN-NSNN.

2. Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày..... và được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau; mỗi bên giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN KBNN	**ĐẠI DIỆN VỤ NSNN**

Mẫu 03/TƯ - Giấy rút vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước của ngân sách trung ương
(Kèm theo Thông tư số 23/2020/TT-BTC ngày 13/4/2020 của Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../BTC-NSNN	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

GIẤY RÚT VỐN TẠM ỨNG NGÂN QUỸ NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước (Sở Giao dịch)

Căn cứ Quyết định số..... ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương;

Đề nghị Kho bạc Nhà nước thực hiện tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương:

- Số tiền bằng số:.....

- Số tiền bằng chữ:.....

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: VT, NSNN.	**TL. BỘ TRƯỞNG** **VỤ TRƯỞNG VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phần KBNN ghi Tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách trung ương: - Số tiền bằng số:..... - Số tiền bằng chữ:..... Bộ phận kế toán ghi sổ ngày:.....	KBNN ghi: - Nợ:..... - Có:.....

KẾ TOÁN *(Ký tên)*	**KẾ TOÁN TRƯỞNG** *(Ký tên)*	**GIÁM ĐỐC** **SỞ GIAO DỊCH KBNN** *(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu 03/ĐP - Giấy rút vốn tạm ứng ngân quỹ nhà nước của ngân sách cấp tỉnh
(Kèm theo Thông tư số 23/2020/TT-BTC ngày 13/4/2020 của Bộ Tài chính)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ... **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../STC-...	*..., ngày... tháng... năm...*

GIẤY RÚT VỐN TẠM ỨNG NGÂN QUỸ NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước.....

Căn cứ Quyết định số..... ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách tỉnh/thành phố.....;

Căn cứ nhu cầu vốn hiện nay của ngân sách tỉnh/thành phố...;

Sở Tài chính... đề nghị Kho bạc Nhà nước... thực hiện tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách tỉnh/thành phố...:

- Số tiền bằng số:.....
- Số tiền bằng chữ: .....

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: VT,...	**GIÁM ĐỐC** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phần KBNN ghi	**KBNN ghi:**
Tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách tỉnh/thành phố:.....	- Nợ TK:.....
- Số tiền bằng số:.....	- Có TK:.....
- Số tiền bằng chữ:.....	
Bộ phận kế toán ghi sổ ngày:.....	

KẾ TOÁN *(Ký tên)*	**KẾ TOÁN TRƯỞNG** *(Ký tên)*	**GIÁM ĐỐC** *(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu 04 - Giấy rút vốn vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách trung ương
(Kèm theo Thông tư số 23/2020/TT-BTC ngày 13/4/2020 của Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../BTC-NSNN	*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*

GIẤY RÚT VỐN VAY NGÂN QUỸ NHÀ NƯỚC
(Mục đích: □ Bù đắp bội chi □ Trả nợ gốc)

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước (Sở Giao dịch)

Căn cứ văn bản số..... ngày... tháng... năm... của Bộ Tài chính phê duyệt cho ngân sách trung ương vay từ ngân quỹ nhà nước;

Căn cứ Hợp đồng cho vay ngân quỹ nhà nước số.... ngày.../.../... giữa Kho bạc Nhà nước và Vụ Ngân sách nhà nước - Bộ Tài chính.

Đề nghị Kho bạc Nhà nước thực hiện cho ngân sách trung ương vay từ ngân quỹ nhà nước:

- Số tiền bằng số:.....
- Số tiền bằng chữ:.....

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: VT, NSNN.	**TL. BỘ TRƯỞNG** **VỤ TRƯỞNG VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC** *(Ký tên, đóng dấu)*

Phần KBNN ghi	KBNN ghi: - Nợ:..... - Có:.....
Cho ngân sách trung ương vay từ ngân quỹ nhà nước: - Số tiền bằng số:..... - Số tiền bằng chữ:..... Bộ phận kế toán ghi sổ ngày:.....	

KẾ TOÁN *(Ký tên)*	**KẾ TOÁN TRƯỞNG** *(Ký tên)*	**GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH KBNN** *(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu 05 - Báo cáo tình hình tạm ứng ngân quỹ nhà nước
(Kèm theo Thông tư số 23/2020/TT-BTC ngày 13/4/2020 của Bộ Tài chính)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC **KHO BẠC NHÀ NƯỚC...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../BC-KB...	*..., ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO
Tình hình tạm ứng ngân quỹ nhà nước
Kỳ báo cáo:...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
1	**Tình hình tạm ứng ngân quỹ nhà nước**		Ghi chi tiết ngày của từng lần rút và hoàn trả tạm ứng NQNN trong kỳ
	- Số dư đầu kỳ		
	- Số phát sinh trong kỳ		
	- Số thu hồi trong kỳ		
	- Số dư cuối kỳ		
2	**Tình hình thu từ các khoản chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước, các khoản chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn**		
	- Số phải thu đầu kỳ (a)		
	- Số thu từ các khoản chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước phát sinh trong kỳ (b)		
	- Số thu từ các khoản chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước quá hạn phát sinh trong kỳ (c)		
	- Số đã thu trong kỳ (d)		
	- Số phải thu cuối kỳ (đ) = (a) + (b) + (c) - (d)		

Nơi nhận:
- Kho bạc Nhà nước;
- Lưu: VT,...

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)